

TỜ TRÌNH

**Về việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thông qua
Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh, tiếp thu ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 27 tháng 11 năm 2025, đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4456/STC-THQH ngày 27 tháng 11 năm 2025 và báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 và phương hướng, nhiệm vụ 05 năm 2026 - 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030, với những nội dung cụ thể sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 05 NĂM 2021 - 2025

Năm năm qua, bên cạnh những thời cơ và thuận lợi, Tỉnh ta cũng phải đối mặt với những khó khăn và thách thức trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội như: Tình hình thế giới có nhiều diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; xung đột vũ trang ở một số nước; đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài; biến đổi khí hậu, thiên tai, nhất là hậu quả của cơn bão số 9 (năm 2020);... đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong bối cảnh đó, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sát sao, quyết liệt, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với tinh thần quyết tâm chính trị cao nhất;... Cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, Tỉnh ta đã từng bước khắc phục kịp thời và vượt qua những khó khăn, thách thức, vừa tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đạt được những kết quả khả quan và chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực. Kinh tế tiếp tục phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng, ngành công nghiệp có mức tăng trưởng khá cao; huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển; thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh vượt dự toán; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được tăng cường... Bên cạnh đó, các chính sách xã hội an sinh xã

hội được các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện tốt; bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân được nâng lên, công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực; chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác đối ngoại được triển khai tích cực.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, khó khăn: Sản phẩm công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ cao chưa nhiều. Công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển. Nông nghiệp phát triển thiếu bền vững, còn manh mún, nhỏ lẻ, giá trị gia tăng thấp. Các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ logistics phát triển chậm. Thu hút nguồn vốn ngoài nhà nước đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa nhiều; thị trường bất động sản chậm phát triển. Chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có mặt còn hạn chế. Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài còn hạn chế. Thu nhập và đời sống dân cư nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi còn thấp; công tác giảm nghèo ở miền núi chưa thật sự bền vững; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao. Vương mắc trong thực hiện chính sách đất đai, đầu tư, quy hoạch chưa được tháo gỡ kịp thời. Việc thực hiện các biện pháp để “gỡ” thẻ vàng IUU đạt hiệu quả chưa cao.

Những hạn chế, khó khăn trên do một số nguyên nhân chủ yếu sau: đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài; những bất cập trong các quy định của pháp luật chưa được kịp thời sửa đổi; kết cấu hạ tầng, nhất là khu vực phía Tây của tỉnh còn yếu kém, chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh; sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc, có việc thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, có trường hợp còn đùn đẩy trách nhiệm. Một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa thực hiện tốt trách nhiệm công vụ; chưa dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Một bộ phận người dân vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

II. VỀ MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU 05 NĂM 2026 - 2030

1. Mục tiêu phát triển: Thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả 05 nhiệm vụ trọng tâm và 03 nhiệm vụ đột phá trong giai đoạn 2025 - 2030. Liên kết và phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi vùng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường đối ngoại; nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Ngãi là tỉnh phát triển khá, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, tỉnh Quảng Ngãi xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

2.1. Các chỉ tiêu về kinh tế

(1) Phân đầu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10%/năm trở lên.

(2) Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 8,5% - 9,5%/năm.

(3) Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người khoảng 6.900 - 7.000 USD.

(4) Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng bình quân 9% - 10%/năm.

(5) Đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 75% - 76%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 44% - 45%.

(6) Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 30%.

(7) Vốn đầu tư trên địa bàn trong 5 năm đạt ít nhất 560.000 tỷ đồng.

2.2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội

(8) Đến năm 2030, có 13,1 bác sĩ trên 01 vạn dân; 37,5 giường bệnh trên 01 vạn dân.

(9) Đến năm 2030, có ít nhất 65,19% trường mầm non, 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

(10) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 38,7%.

(11) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 30,6%.

(12) Đến năm 2030, phân đầu cơ bản không còn hộ nghèo.

2.3. Các chỉ tiêu về môi trường - đô thị

(13) Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 60%.

(14) Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%.

2.4. Các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh

(15) Hằng năm, 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 70%.

(16) Hằng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung chỉ đạo của Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội

Kịp thời ban hành các quyết định, chương trình hành động, kế hoạch, chỉ thị, xây dựng các phương án, kịch bản điều hành và quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 05 năm 2026 - 2030.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả, hiệu lực các nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và các Chương trình khác được Trung ương giao.

2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới với trọng tâm là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển các mô hình kinh tế mới.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; xác định phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cùng các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương. Tập trung thu hút một số dự án lớn từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuỗi cung ứng thông minh, năng lượng sạch, các dự án có sự liên kết, hợp tác về chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao, chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

Bảo vệ quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, cải thiện môi trường kinh doanh minh bạch, công khai, tạo động lực thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển nhanh, bền vững. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, tín dụng, công nghệ, thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp linh hoạt, năng động.

Khẩn trương rà soát, tích hợp, cập nhật lại quy hoạch tỉnh, bảo đảm đồng bộ với các quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia, vừa khai thác hiệu quả lợi thế tổng hợp của địa phương, vừa mở rộng dư địa và không gian phát triển mới. Phát triển kinh tế dựa trên nền tảng đa dạng sinh thái - kinh tế, hướng đến tăng trưởng xanh, bao trùm và bền vững, với mô hình tăng trưởng đa trung tâm, kết hợp giữa lợi thế khí hậu mát mẻ, thổ nhưỡng phù hợp phát triển nông nghiệp hữu cơ, cây dược liệu, rừng nguyên sinh ở vùng cao nguyên với nền tảng công nghiệp nặng, cảng biển, tạo nên chuỗi giá trị hoàn chỉnh từ nông nghiệp, khai thác tài nguyên đến chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu. Phát triển kinh tế đa ngành, bền vững từ nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, đến kinh tế biển, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng trên cơ sở kết hợp và phát huy lợi thế của 3 vùng sinh thái chủ đạo: vùng núi cao nguyên, vùng đồng bằng, vùng biển đảo.

Phát huy vai trò của các vùng kinh tế động lực, các hành lang kinh tế chiến lược, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây với vai trò là cửa ngõ phía Tây của hành lang kinh tế Đông Tây gắn với phát triển kinh tế vùng biên mậu, phát triển công nghiệp, kinh tế biển và du lịch, tạo động lực phát triển theo quy hoạch được phê duyệt. Khai thác không gian phát triển mới trên cơ sở thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng, liên kết quốc gia, kết nối thông suốt từ vùng Tây Nguyên đến biển, hình thành trục giao thương liên vùng, liên quốc gia.

2.2. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh huy động đầu tư phát triển các dự án nguồn điện, các nguồn năng lượng tái tạo theo Quy hoạch tỉnh và Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu, đa dạng hóa các ngành công nghiệp; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp với tốc độ cao, thu hút một số dự án công nghiệp quy mô lớn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phát triển mạnh công nghiệp: lọc hóa dầu, sau lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí và công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở phát huy các tiềm năng, lợi thế khác biệt như: trung tâm công nghiệp lọc, hóa dầu, trung tâm công nghiệp đóng tàu, trung tâm sản xuất thép. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp quan trọng khác như: Điện tử, trí tuệ nhân tạo, sinh học, bán dẫn, năng lượng (*điện khí, thủy điện, điện mặt trời, điện gió*), sản xuất hàng tiêu dùng; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ phát triển nông, lâm, thủy sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn tại các địa bàn có lợi thế. Đồng thời, phát triển công nghiệp theo hướng xanh và bền vững, khuyến khích các

doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị tiên tiến nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm ô nhiễm môi trường và nâng cao hiệu quả sản xuất. Từng bước áp dụng tự động hóa, số hóa trong quản lý và sản xuất.

Tiếp tục xây dựng các cơ chế chính sách phát triển công nghiệp theo Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, trong đó tập trung: (i) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo chiều sâu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao; (ii) Thực hiện hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn đến năm 2030 gắn với thực hiện chuyển đổi số nhằm tạo bứt phá và động lực tăng trưởng mới. Phát triển ngành chế biến thực phẩm, chế biến gỗ, da giày, dệt may, cơ khí chế tạo...; (iii) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ. Giảm tỷ trọng sản phẩm công nghiệp sơ chế, gia công, lắp ráp và tăng tỷ trọng nội địa hóa đối với một số sản phẩm công nghiệp chủ lực.

Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước. Thúc đẩy sớm hình thành và phát huy hiệu quả Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất. Nghiên cứu thành lập các khu công nghiệp ở những nơi có điều kiện theo quy hoạch. Đẩy mạnh huy động đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, nhất là hệ thống giao thông kết nối và hệ thống xử lý chất thải. Định hướng phát triển Khu Công nghiệp VSIP II là khu công nghiệp công nghệ cao, thu hút đầu tư các ngành có hàm lượng công nghệ cao gắn với chuyển đổi số, thân thiện môi trường, có giá trị gia tăng cao.

Hỗ trợ, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp lớn, có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển công nghiệp của tỉnh như: dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, dự án Nhà máy sản xuất ray thép và thép đặc biệt, dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp VSIP II Quảng Ngãi (giai đoạn 1), các dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III, Khu công nghiệp và sản xuất dược liệu tập trung Đăk Tô, Khu công nghiệp Tây Bắc Dung Quất;... tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển công nghiệp. Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 12% - 13%/năm; trong đó công nghiệp tăng bình quân 12% - 13%/năm; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP chiếm 44% - 45%.

Đẩy mạnh đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Ưu tiên đầu tư hạ tầng kết nối, đầu tư đồng bộ hạ tầng thiết yếu cụm công nghiệp đang hoạt động và các cụm công nghiệp đầu tư hạ tầng dở dang, nhất là hạ tầng

giao thông, điện, cấp thoát nước, hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp đáp ứng nhu cầu thu hút các dự án thứ cấp trong cụm công nghiệp; Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào khai thác vận hành các cụm công nghiệp đã thành lập. Quan tâm đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp phía Tây Quảng Ngãi, vùng miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Đồng thời tăng cường thu hút đầu tư và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp mới trong quy hoạch.

2.3. Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng cao; phát triển du lịch gắn với phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của mỗi vùng miền

Tiếp tục phát triển mạnh các ngành dịch vụ phục vụ đời sống người dân như: văn hóa, giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, môi trường... Khuyến khích phát triển các dịch vụ: khoa học và công nghệ; tài chính; viễn thông; công nghệ thông tin; tư vấn pháp lý; tư vấn khởi nghiệp và các dịch vụ mới của nền kinh tế số.

Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 của tỉnh Quảng Ngãi; Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Chương trình phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam giai đoạn 2025 - 2027; Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030. Phát triển thương mại điện tử, phổ cập các loại hình thương mại mới, áp dụng công nghệ cao. Phát triển hệ thống phân phối hàng hóa qua nền tảng số. Khuyến khích đầu tư các siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm dịch vụ tổng hợp tại các đô thị và khu du lịch. Tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các hình thức bán buôn và bán lẻ. Thu hút đầu tư phát triển hợp lý hệ thống logistics đường bộ, đường thủy. Phát triển mạnh dịch vụ cảng biển, vận tải biển, logistics dựa trên ưu thế của cảng nước sâu Dung Quất gắn với phát triển Khu kinh tế Dung Quất. Thu hút đầu tư, phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y, cửa khẩu Đăk Long - Văng Tắt (giáp Lào), cửa khẩu Hồ Le (giáp Campuchia),... gắn với định hướng phát triển kinh tế vùng biên mậu trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của khu vực “Ngã ba Đông Dương”. Phân đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực dịch vụ đạt 11% - 12%/năm; tỷ trọng dịch vụ trong GRDP chiếm 31 - 32%.

Đẩy mạnh phát triển đồng bộ kinh tế biển - du lịch - dịch vụ. Phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Phát huy những tiềm năng, lợi thế đặc biệt của tỉnh cùng các giá trị văn hóa, lịch sử, con người để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với các hạt nhân tạo thành tam giác phát triển du lịch thế mạnh của tỉnh: Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Phát triển du lịch với định hướng “ba quốc gia, một điểm đến”. Hình thành các tuyến du lịch kết nối giữa rừng và biển trên cơ sở phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa của mỗi vùng miền, của các đồng bào

dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh mang đậm bản sắc Tây Nguyên. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch như: Du lịch sinh thái, nông nghiệp; du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng; du lịch chuyên đề khác; ưu tiên sản phẩm du lịch đặc trưng, có bản sắc riêng. Phát triển Khu du lịch Mỹ Khê để sớm được công nhận là khu du lịch quốc gia; phát triển Khu du lịch Măng Đen thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Thu hút các nhà đầu tư chiến lược để đầu tư tổ hợp khu đô thị - dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng, giải trí quy mô lớn, chất lượng cao dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đặc khu Lý Sơn, Khu du lịch Thạch Bích - Núi Chúa, núi Cà Đam,... Thúc đẩy liên kết, hình thành các khu, điểm du lịch những nơi có tiềm năng. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, tổ chức xúc tiến và quảng bá du lịch của tỉnh.

2.4. Phát triển nông, lâm, thủy sản hiệu quả, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng

Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp trên nền nông nghiệp sạch, sản xuất sạch, kiểm soát đầu vào, quy trình chế biến, bảo quản; có chiến lược truyền thông, giới thiệu sản phẩm ở thị trường nội địa, khu vực và thế giới. Khuyến khích phong trào khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền; nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế. Phát triển ít nhất 5 thương hiệu nông sản mạnh cấp vùng, có khả năng xuất khẩu hoặc dẫn dắt thị trường nội địa.

Ưu tiên phát triển nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao gắn với xây dựng thương hiệu theo địa danh và đặc sản vùng miền; kinh tế lâm nghiệp, kinh tế dược liệu, với trọng tâm là sâm Ngọc Linh và các loài dược liệu quý đặc hữu, cây ăn quả, rau hoa xứ lạnh, tỏi Lý Sơn, cây công nghiệp; phấn đấu trở thành vùng trọng điểm dược liệu của quốc gia. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến sâu, tạo hàng hóa có giá trị gia tăng cao phục vụ xuất khẩu; trong đó, xây dựng vùng nguyên liệu (*dứa, chanh dây,...*) để phục vụ công nghiệp chế biến. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế của từng vùng, địa phương gắn với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng hệ thống dữ liệu số ngành nông nghiệp, nền tảng quản lý vùng trồng, công cụ đo lường sản lượng, chất lượng; bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản. Có chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai, hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh. Phát triển đàn gia súc theo hướng hàng hóa. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển các trang trại chăn nuôi theo hướng tập trung.

Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Phát triển ngành lâm nghiệp bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, đặc biệt là giá trị các-bon rừng. Phân đầu đến năm 2030, độ che phủ rừng tiếp tục duy trì ổn định ở mức 60%.

Phát triển hài hòa giữa khai thác và nuôi trồng thủy sản; tiếp tục hình thành các trang trại nuôi trồng trên biển. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các nghiệp đoàn nghề cá. Tuyên truyền, vận động giúp chủ tàu, ngư dân hiểu rõ các quy định, không vi phạm, không đánh bắt cá trái phép ở vùng biển nước ngoài, không khai thác hải sản bất hợp pháp. Nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ; thu hút đầu tư, phát triển dịch vụ nghề cá và các cơ sở chế biến thủy sản, nâng cao giá trị gia tăng của thủy sản. Có chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản; mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản tại các hệ thống sông, lòng hồ thủy lợi, thủy điện khu vực miền núi. Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5% - 6%/năm.

2.5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Tập trung đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội theo phương thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là các dự án trọng điểm có tác động lan tỏa, tạo động lực để phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Phân bổ nguồn lực đầu tư cân đối, công bằng, hợp lý giữa các địa bàn, khu vực, đảm bảo mức đầu tư vào từng địa bàn không thấp hơn trước khi hợp nhất tỉnh, không để nơi nào bị tụt hậu, mất động lực phát triển. Đầu tư hạ tầng thiết yếu, đầu tư phát triển kinh tế tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tích cực phối hợp, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án hạ tầng giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh như: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn; đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; đường tránh phía Tây thành phố Quảng Ngãi (cũ)... Kiến nghị Trung ương sớm đầu tư tuyến cao tốc Ngọc Hồi - Kon Tum - Pleiku; đồng thời, quan tâm đầu tư nâng cấp Quốc lộ 24, Quốc lộ 40B, Quốc lộ 40, Quốc lộ 14C. Đầu tư hạ tầng giao thông kết nối sân bay Chu Lai; nghiên cứu phát triển cảng hàng không, sân bay tại đặc khu Lý Sơn, cảng hàng không Măng Đen, tuyến đường sắt kết nối vùng Tây Nguyên. Nghiên cứu đề xuất Trung ương về chủ trương đầu tư hạ tầng giao thông kết nối cửa khẩu quốc tế Bờ Y và cảng nước sâu Dung Quất.

Phát triển hạ tầng logistics hiện đại; xây dựng mạng lưới logistics đa chiều, nâng tầm khu vực trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa, du lịch dịch vụ chiến lược của Tây Nguyên, duyên hải Trung Bộ và các nước tiểu vùng Mê Kông. Tiếp tục đầu tư để xây dựng các cảng biển trở thành điểm trung chuyển quốc tế gắn với Trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Dung Quất theo

quy hoạch. Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường kết nối các địa phương trong tỉnh, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp đồng bộ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Ưu tiên nguồn lực để hoàn chỉnh hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Dung Quất, nhất là hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung, giao thông kết nối cảng biển - khu công nghiệp - khu đô thị, các khu tái định cư. Đẩy nhanh thực hiện dự án Dự án Chính trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai sớm đầu tư hoàn thiện hạ tầng, đưa KCN đi vào hoạt động thu hút đầu tư vào KCN. Đầu tư cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối; nâng cấp hệ thống đê kè sông, biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão,... gắn với ứng phó thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu. Đầu tư và đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu về xây dựng nhà ở xã hội do Trung ương giao. Tăng cường thu hút đầu tư các lò hỏa táng và viện dưỡng lão trên địa bàn tỉnh, nhằm đáp ứng xu thế phát triển hiện nay.

Tổ chức thực hiện công tác lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia và việc sắp xếp đơn vị hành chính mới. Tiếp tục nâng cao tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%. Tập trung phát triển đô thị gắn với những đột phá về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan theo hướng đô thị sinh thái, văn minh, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD). Hình thành các đô thị sinh thái, thông minh dọc hai bên bờ sông Trà Khúc, sông Đăk Bla, gắn kết giữa bảo tồn thiên nhiên và phát triển hiện đại; định hướng phát triển một số đô thị động lực ở các khu vực có lợi thế như: Đông Nam Dung Quất và xã Măng Đen; tập trung phát triển tại các đô thị hiện hữu, khu du lịch hiện nay.

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa và phát triển kinh tế nông thôn; duy trì và phát huy kết quả xây dựng thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phấn đấu đến năm 2030, có trên 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Quy hoạch phân bố dân cư phù hợp với truyền thống văn hóa, dân tộc, môi trường sinh thái của từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn; tăng đầu tư ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị và giữa các vùng trong tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; trên 70% dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

2.6. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư. Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin để cắt giảm thời gian, chi phí trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự năng động sáng tạo và tiên phong của lãnh đạo các cấp chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc hỗ trợ doanh nghiệp. Tăng cường công tác đối thoại với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và xem đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư phải được giải quyết dứt điểm hợp tình, hợp lý tạo niềm tin cho doanh nghiệp vào sự kiên quyết, nỗ lực của chính quyền trong quá trình đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp, từ đó tạo môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, thông thoáng góp phần kêu gọi xúc tiến đầu tư cũng như thúc đẩy tăng trưởng dòng vốn tái đầu tư từ doanh nghiệp đã đầu tư thành công trên địa bàn tỉnh để tạo hiệu ứng lan tỏa thông tin để thu hút các nhà đầu tư mới. Đồng thời, thực hiện đối xử bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận các ưu đãi từ nguồn vốn, đất đai, cơ chế chính sách và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý.

Khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số. Đồng hành cùng doanh nghiệp và hình thành đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án phát triển hạ tầng, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo, logistics, du lịch sinh thái, các dự án công nghệ có giá trị cao, thân thiện với môi trường phù hợp với ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh; chú trọng thu hút nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư các dự án quy mô lớn, là đầu tàu dẫn dắt, liên kết phát triển tạo chuỗi giá trị trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Áp dụng cơ chế ưu đãi đặc biệt cho các dự án công nghiệp bán dẫn, vi mạch, sản phẩm công nghệ cao. Mở rộng đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đổi mới phương thức quản trị, thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã.

Bảo đảm điều hành thực hiện tốt các quy định, quản lý chặt chẽ, hiệu quả thu chi ngân sách, tiết kiệm, chống lãng phí; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hằng năm vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao; đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu, tăng cường quản lý thu thuế thương mại điện tử, thực hiện nghiêm quy định về hóa đơn điện tử. Quản lý, điều hành chi ngân sách nhà nước theo quy định, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, công khai minh bạch. Phân bổ kế hoạch đầu tư công khoa học, phù hợp tình hình thực tiễn của địa phương. Bám sát nhiệm vụ đột phát, trọng tâm của tỉnh; tập trung vốn ngân sách đầu tư vào các vùng động lực của tỉnh; các ngành, lĩnh vực quan trọng, công trình, dự án trọng

điểm, có sức lan tỏa, có khả năng giải ngân nhanh, phát huy hiệu quả, tạo động lực để phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

3.1. Tiếp tục phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững

Xác định phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa; tăng cường nguồn lực cho phát triển văn hóa tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Chú trọng phục hồi, bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một; giữ gìn, phát huy và làm giàu di sản văn hóa các dân tộc thiểu số. Bảo tồn và phát huy giá trị các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch trải nghiệm và tạo sinh kế cho người dân. Bảo vệ, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, đạo lý, đoàn kết, nghĩa tình, tinh thần tương thân, tương ái của con người. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với phát triển xã hội số, nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, các tác phẩm văn học - nghệ thuật; đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân.

Đẩy mạnh huy động các nguồn lực trong xã hội để đầu tư xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa theo hướng thiết thực, linh hoạt, lấy địa bàn làm cơ sở, lấy người dân làm trung tâm. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng Công viên Thiên Bút, Bảo tàng và Thư viện tỉnh thành tổ hợp thiết chế văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Lập hồ sơ Di tích khảo cổ Văn hóa Sa Huỳnh trình UNESCO công nhận Di sản thế giới; đề nghị công nhận Ngục Kon Tum là Di tích cấp quốc gia đặc biệt; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích lịch sử cách mạng - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển kinh tế, du lịch bền vững... Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác văn hóa đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới. Đẩy mạnh phát triển văn hóa, nghệ thuật; triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 70-KL/TW ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị; Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích phát triển thể dục, thể thao quần chúng, tạo cơ hội cho mọi người được quyền tham gia hoạt động tập luyện, biểu diễn, thi đấu để nâng cao sức khỏe, phòng bệnh, chữa bệnh, vui chơi, giải trí. Quan tâm phát triển và bảo tồn thể thao dân tộc, thể thao giải trí, thể thao cho các đối tượng là cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, trẻ em, học sinh, sinh viên, người cao tuổi, người

khuyết tật. Tập trung phát triển thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao, nhất là các môn thể thao thể mạnh của tỉnh như võ thuật, điền kinh. Nâng cao chất lượng tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp quốc gia. Tập trung khai thác có hiệu quả cơ sở, vật chất, trang thiết bị Thể dục thể thao tỉnh đầu tư xây dựng giao ngành quản lý, sử dụng. Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở thể thao, tham gia tổ chức thi đấu, đào tạo vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài và cung cấp các dịch vụ thể dục, thể thao; thành lập các liên đoàn, hiệp hội, câu lạc bộ thể thao đào tạo vận động viên và tổ chức thi đấu hợp pháp. Đến năm 2030, số người thường xuyên tập luyện thể dục thể thao đạt 41,39; số gia đình tập luyện thể dục thể thao đạt tỷ lệ 29%. Xây dựng và triển khai Đề án Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2035.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý báo chí. Theo dõi sát sao thông tin trên báo chí, trên không gian mạng có liên quan đến tỉnh để kịp thời tham mưu giải quyết. Tiếp tục hợp tác truyền thông với cơ quan báo chí; ứng dụng các nền tảng số vào công tác truyền thông để đưa thông tin của các cấp chính quyền đến người dân, nhất là người dân ở vùng sâu, vùng xa. Kịp thời tham mưu, hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, các Ngày Lễ, kỷ niệm của tỉnh và của đất nước. Thúc đẩy nâng cao chất lượng báo chí, công tác thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở thông qua đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và đầu tư tăng cường cơ sở vật chất.

3.2. Đẩy mạnh triển khai các giải pháp đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Tổ chức thực hiện hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Thông báo số 81-TB/TW ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới đất liền; Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới..

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học và giáo dục thường xuyên; chú trọng đối với học sinh dân tộc thiểu số. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở tất cả các cấp học; đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực, tăng cường tính thực tiễn, gắn lý thuyết với thực hành. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, phương tiện kỹ thuật hiện đại trong dạy và học; xây dựng và khai thác hiệu quả kho học liệu số dùng chung toàn tỉnh. Đầu tư kiên cố hóa trường học, lớp học, nhà ở công vụ cho giáo viên, bảo đảm

đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục tại các xã biên giới; đồng thời duy trì và tổ chức tốt hoạt động của các trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được học tập và sinh hoạt ổn định. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa đạt 100%.

Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Phạm Văn Đồng. Tăng cường công tác tư vấn học đường, tư vấn hướng nghiệp; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu thị trường. Khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, nhất là cán bộ quản lý, các ngành mũi nhọn về khoa học, công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên. Có cơ chế, chính sách hiệu quả trong phát hiện, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học giỏi. Chú trọng nâng cao trình độ lao động nông thôn, tăng số lượng lao động kỹ thuật có tay nghề cao gắn với chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

3.3. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện tiến trình chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; trọng tâm là phát triển các nền tảng số để cung cấp dịch vụ theo nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân. Đến năm 2030, bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Phát triển tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ chuyển giao công nghệ. Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) của tỉnh, tạo lập môi trường thuận lợi cho việc hình thành, phát triển được nhiều doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Đẩy mạnh hợp tác với các viện, trường, các tổ chức trong và ngoài nước để phát triển thị trường công nghệ; Kết nối mạnh mẽ các nguồn lực để phát triển hệ sinh thái KNĐMST

của tỉnh theo chiều sâu. Triển khai có hiệu quả kế hoạch thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030.

Đào tạo, đào tạo lại, chuẩn bị nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, kinh tế số. Phổ cập kỹ năng số cho người dân nhằm xây dựng một xã hội số bao trùm, toàn diện. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực; trong đó, ưu tiên một số lĩnh vực như: Y tế, giáo dục, nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, tài nguyên và môi trường, đảm bảo kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp. Đầu tư, phát triển hạ tầng số và đẩy nhanh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền trong tỉnh. Thúc đẩy phát triển mạnh khoa học, công nghệ, chủ động đặt hàng sản phẩm khoa học công nghệ cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các doanh nghiệp; hỗ trợ từng bước hình thành và phát triển doanh nghiệp số, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, tạo sự đồng thuận trong xã hội; nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các kế hoạch thực hiện các chương trình, đề án của Chính phủ ban hành về: Kế hoạch đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; công tác phổ biến, hướng dẫn, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức thực thi pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng của tổ chức, doanh nghiệp,... Triển khai có hiệu quả các Chương trình, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp: Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả khám, chữa bệnh ở các tuyến đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế cơ sở, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa góp phần xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững; mở rộng các kỹ thuật cao, chuyên sâu tại tuyến tỉnh, tập trung phát triển các chuyên khoa mũi nhọn (tim mạch, sản - nhi, hồi sức cấp cứu, y học cổ truyền, phục hồi chức năng...). Từng bước phát triển bệnh

viện lão khoa và trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển; phấn đấu 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tập trung đầu tư, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh; thúc đẩy phát triển y tế tư nhân, thu hút đầu tư các bệnh viện chất lượng cao; mở rộng hợp tác, chuyển giao kỹ thuật giữa các cơ sở y tế công lập và tư nhân. Đẩy mạnh thực hiện tự chủ trong các bệnh viện công lập, cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế; triển khai bệnh án điện tử, khám chữa bệnh từ xa (Telehealth), hệ thống PACS, LIS, liên thông kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, dữ liệu bệnh nhân và hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân. Tăng cường kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Phát triển nguồn nhân lực y tế bảo đảm số lượng và chất lượng. Thu hút nguồn nhân lực y tế; khuyến khích y, bác sĩ có năng lực chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở. Nâng cao năng lực y tế dự phòng, chủ động kiểm soát và ứng phó với các dịch bệnh.

Triển khai khám sức khỏe định kỳ bắt buộc từ năm 2026 cho mọi người dân theo lộ trình; đến năm 2030 tiến tới miễn viện phí cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế; thực hiện chính sách ưu đãi đặc thù cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, trong đó nâng mức phụ cấp ưu đãi nghề lên tối thiểu 70 % đối với nhân viên y tế làm chuyên môn tại trạm y tế cấp xã *(và 100 % đối với những người làm việc tại vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn)*.

Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; phấn đấu tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 97,1% dân số. Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển; có chính sách để duy trì vững chắc mức sinh thay thế. Tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, giảm tử vong mẹ và trẻ sơ sinh; củng cố mạng lưới chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, nhóm yếu thế tại cộng đồng; phát triển dịch vụ chăm sóc dài hạn gắn với y tế cơ sở. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Chú trọng công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

3.5. Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững

Tiếp tục triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước đối với người có công theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng đồng bộ, khả thi với mô hình chính quyền 02 cấp. Tăng cường công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý chính sách người có công với cách mạng.

Phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm lo đời sống đối với các đối tượng yếu thế, khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số là nạn nhân của bạo lực gia đình, bị mua bán trở về. Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, tạo môi trường lành mạnh để trẻ phát triển

toàn diện. Hỗ trợ sinh kế đối với người khuyết tật. Bảo vệ và phát huy vai trò của người cao tuổi trong gia đình và xã hội.

Tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại các xã, phường để tạo điều kiện cho người lao động ở địa phương được tiếp cận với chính sách giải quyết việc làm, định hướng nghề nghiệp cho người lao động. Tăng cường thực hiện các giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong các doanh nghiệp trên địa bàn. Xây dựng cơ sở dữ liệu người trong độ tuổi lao động làm cơ sở để dự báo thị trường, kết nối cung - cầu lao động. Chú trọng phát triển đa dạng các hình thức bảo hiểm xã hội; thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Hỗ trợ thanh niên giải quyết việc làm, khởi nghiệp; phân đấu tỷ lệ thất nghiệp khu vực đô thị dưới 1,68%.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với giảm nghèo bền vững. Mở rộng phạm vi, quy mô, đối tượng thực hiện tín dụng chính sách xã hội để góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế, giảm nghèo nhanh và bền vững, nhất là ở các vùng khó khăn, vùng dân tộc ít người, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao dân trí, ý thức tự lực, tự cường để vươn lên thoát nghèo bền vững. Thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi; khuyến khích trí thức trẻ, thanh niên tham gia phát triển nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Đẩy mạnh công tác bố trí, sắp xếp dân cư các vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo; 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất.

4. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Kiểm soát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông, bờ biển; thu hút đầu tư Nhà máy tuyển luyện quặng tại những nơi có điều kiện gắn với quy hoạch khoáng sản. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thực hiện tốt công tác quản lý đất đai. Thường xuyên rà soát, kiểm tra và kiên quyết xử lý các sai phạm trong sử dụng đất, không để lãng phí tài nguyên đất đai. Quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các hệ sinh thái biển gắn với bảo vệ đa dạng sinh học. Nâng cao năng lực bảo vệ tài nguyên, phòng, chống cháy rừng.

Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ít phát thải nhà kính để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Tăng tỷ lệ cây xanh trong các đô thị, nhất là các đô thị trung tâm của tỉnh. Tập trung giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, nhất là xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường các dự án. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Khẩn trương rà soát các hố chôn lấp rác thải trên địa bàn toàn tỉnh; đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp. Tạo sự chuyển biến tích cực trong ý thức,

văn hóa người dân về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải nhựa, ô nhiễm chất thải nhựa. Phân đấu đến năm 2030, trên 98% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, 100% chất thải y tế được xử lý.

Thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Ưu tiên đầu tư xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với thiên tai. Tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa; chủ động ứng phó với sụt lún đất, lũ quét khu vực miền núi; chú trọng công tác di dời, tái định cư cho người dân ở các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao. Rà soát, củng cố các lực lượng, phương tiện, vật tư, hậu cần để tổ chức tốt công tác phòng chống thiên tai theo phương châm “04 tại chỗ” khi xảy ra, không để bị động, bất ngờ. Chủ động chuyển đổi cơ cấu các ngành, lĩnh vực để thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 ngày 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Triển khai thực hiện nghiêm quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng nguyên tắc, quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp. Nâng cao hiệu quả cải cách tư pháp; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Tiếp tục tham mưu triển khai các nội dung liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031. Tiếp tục kiện toàn, đẩy mạnh nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã. Rà soát, sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền; sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong của các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp thuộc các sở ngành; sắp xếp các doanh nghiệp do nhà nước chủ sở hữu; sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp thuộc cấp xã theo hướng tinh gọn, thống nhất, hiệu quả gắn với đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền. Thường xuyên đánh giá, kịp thời khắc phục các bất cập phát sinh, đảm bảo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện trên tất cả các lĩnh vực gắn với chuyển đổi số, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số nhằm xây dựng nền hành chính phục vụ

Nhân dân, dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình.

6. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác nội chính, đối ngoại và hội nhập quốc tế

Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện gắn sát mục tiêu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp. Đẩy mạnh xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh và phổ biến giáo dục pháp luật. Thực hiện tốt nhiệm vụ phòng thủ dân sự tại địa phương; xây dựng khu vực phòng thủ các cấp vững chắc. Nâng cao chất lượng công tác tuyển quân. Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế - xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Phát triển các công trình lưỡng dụng có khả năng chuyển đổi trạng thái kịp thời, hiệu quả. Chú trọng công tác đảm bảo an ninh biên giới; quản lý chặt địa bàn biên giới, xây dựng vùng biên hòa bình và phát triển; đấu tranh có hiệu quả với các hành vi xâm hại đến chủ quyền biên giới quốc gia, quyền chủ quyền các vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực hiện tốt chính sách đối với Quân đội, hậu phương quân đội.

Chủ động nắm tình hình, kịp thời có giải pháp chiến lược để bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia, giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường an ninh, an toàn, lành mạnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của tỉnh; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong phòng, chống tội phạm, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội.

Kịp thời phát hiện, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề phức tạp về an ninh trật tự và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh tuyến biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia, an ninh cửa khẩu Bờ Y, cửa khẩu Đăk Long - Văng Tắt, an ninh trong tôn giáo, an ninh vùng dân tộc thiểu số và an ninh tại các khu kinh tế trọng điểm mới. Thực hiện tốt bảo vệ chính trị nội bộ trong công tác nhân sự và bảo đảm an ninh trật tự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt các chủ trương, biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm; tập trung đấu tranh triệt xóa các tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội, trấn áp mạnh các băng, nhóm liên quan đến “tín dụng đen”, núp bóng doanh nghiệp, tội phạm lợi dụng công nghệ cao. Tăng cường công tác phát hiện, xử lý nghiêm loại tội phạm về môi trường, vệ sinh, an toàn thực phẩm, tài nguyên, khoáng sản. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030; tăng cường các biện pháp quản lý, phòng ngừa đối tượng

liên quan đến ma túy phạm tội tại địa bàn cơ sở; nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai.

Nâng cao hiệu quả khai thác, ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Đề án 06/CP của Chính phủ vào phục vụ quản trị xã hội. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số. Triển khai các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về TTATGT; duy trì, xây dựng mới các mô hình, phong trào thi đua về bảo đảm TTATGT; tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông. Tăng cường các biện pháp PCCC và CNCH; kết hợp tuyên truyền, hướng dẫn, đi đôi với xử lý nghiêm các vi phạm về phòng, chống cháy, nổ; huy động “toàn dân tự giác tham gia phòng cháy và chữa cháy”, phát huy hiệu quả của Tổ liên gia an toàn về PCCC; triển khai xã, phường an toàn giao thông và an toàn về PCCC.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp điều kiện, hoàn cảnh, tình hình mới. Tập trung xây dựng xã, phường, đặc khu, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác dân vận góp phần phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra; đẩy mạnh công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra. Triển khai thực hiện đồng bộ, có khả thi đối với các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực; thường xuyên thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng; tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về phòng chống tham nhũng đến năm 2030. Chú trọng công tác bảo vệ người tố cáo, người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, tích cực tham gia các sự kiện đối ngoại quan trọng, phù hợp trong và ngoài nước nhằm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, huy động nguồn lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của tỉnh ngày càng sâu rộng, hiệu quả. Tiếp tục củng cố, tăng cường quan hệ, hợp tác toàn diện với các địa phương của các nước Lào, Campuchia, nhất là các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan; phối hợp chặt chẽ trong công tác mở các cặp cửa khẩu phụ trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, nâng cấp cặp cửa khẩu phụ Đắk Long - Văng Tắt lên thành cửa khẩu chính; tiếp tục kiến nghị đầu tư, nâng cấp Quốc lộ 18B từ Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y đi tỉnh Attapư (Lào). Tham gia giải quyết vấn đề phân giới, cắm mốc còn tồn đọng giữa Việt Nam với Campuchia trên tuyến biên giới qua tỉnh. Tạo điều kiện để các nhà đầu tư trong tỉnh triển khai đầu tư, góp phần kết nối về kinh tế với các địa phương của Lào và Campuchia. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, tăng cường năng lực hội nhập kinh tế quốc tế trong các ngành, lĩnh vực. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động sản xuất, đầu tư, kinh doanh, hợp tác với đối tác nước ngoài. Phát huy

công tác đối ngoại nhân dân, nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại và ngoại giao văn hóa góp phần quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, khả năng hợp tác của tỉnh. Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện đồng bộ 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực, các cam kết trong WTO và Cộng đồng Kinh tế ASEAN; Kế hoạch triển khai chương trình hành động thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 của tỉnh; Hỗ trợ doanh nghiệp đa dạng hóa thị trường, gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu rộng vào các chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất khu vực, toàn cầu và đẩy mạnh xuất nhập khẩu.

(Có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thống kê tỉnh Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, KTTH.NTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc